

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày: 05/5/2020

“Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vinh, bà Đặng Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS, ngày 16/3/2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986 và anh Trương Văn T, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Xóm 1, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị T, anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Nguyễn Trọng T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, ngày 25/11/2016 ông có cho chị Trần Thị T và anh Trương Văn T vay số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, anh T và chị T đã vay của ông được 38 tháng, anh T và chị T đã thanh toán cho ông được 23 tháng tiền lãi, nay còn nợ lại số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và 15 tháng tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), sau đó ông đã đòi nhiều lần nhưng anh T và chị T không trả tiền cho ông. Nay ông yêu cầu chị Trần Thị T và anh Trương Văn T phải trả cho ông số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), tổng cộng là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

* Tại bản tự khai chi Trần Thị T trình bày: Chi và chồng chi là Trương Văn T và ông Nguyễn Trọng T là chỗ quen biết, ngày 25/11/2016 vợ chồng chi có vay của ông Nguyễn Trọng T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), với lãi suất 1%/tháng, chi có viết giấy vay nợ và cùng anh Trương Văn T ký, vì làm ăn thất bát kinh tế không đủ để trả nợ gốc cho ông T. Nay ông Nguyễn Trọng T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chi thanh toán số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và số tiền lãi 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), do vợ chồng chi làm ăn quá khó khăn nên chi xin ông T không tính lãi số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Còn số tiền gốc chi và chồng chi sẽ có trách nhiệm trả cho ông T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trương Văn T đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không gửi, nộp ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về tài liệu, chứng cứ: Ông Nguyễn Trọng T nộp “Giấy Vay Tiền” ngày 25/11/2016 (bản gốc).

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T yêu cầu chi Trần Thị T và anh Trương Văn T trả cho ông T số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, chia ra chi T trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), anh T trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử buộc anh Trương Văn T và chi Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), chia ra anh T trả cho ông T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), chi T trả cho ông T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Anh Trương Văn T và chi Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Trọng T khởi kiện yêu cầu anh Trương Văn T và chị Trần Thị T đều cư trú tại thôn 1, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trả số tiền gốc 100.000.000đ. Xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị Trần Thị T và anh Trương Văn T, nhưng anh T và chị T đều vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 25/11/2016, ông Nguyễn Trọng T cho anh Trương Văn T và chị Trần Thị T vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận miệng là lãi 1%/ tháng, hạn trả tiền khi ông T cần tiền chị T và anh T trả đầy đủ cả gốc và lãi, chị T có viết giấy vay tiền đề ngày 25/11/2016 và cùng anh T ký. Ông T xác định tính đến 25/10/2018 chị T và anh T đã trả được 23.000.000 đồng tiền lãi, sau đó anh T và chị không trả gốc và tiền lãi tiếp cho ông T, dù ông T đã đòi nhiều lần. Tại phiên tòa ông T không yêu cầu anh T và chị T phải trả tiền lãi tiếp, mà chỉ yêu cầu anh T và chị T thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, chia ra mỗi người trả 50.000.000 đồng. Chị T xác định đã cùng chồng là anh Trương Văn T vay ông T số tiền 100.000.000 đồng như giấy vay tiền chị T đã viết, nhất trí trả tiền theo yêu cầu của ông T. Căn cứ vào giấy vay tiền, ý kiến của các đương sự đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T, buộc anh T và chị T có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), chia ra anh T trả cho ông T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), chị T trả cho ông T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Anh Trương Văn T và chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí.

[4] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 235, 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T. Buộc anh Trương Văn T và chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), chia ra: Anh Trương Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Trương Văn T phải nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; chị Trần Thị T phải nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Trọng T không phải nộp án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Trọng T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trương Văn T và chị Trần Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ

Hà Thị Vinh

Hoàng Mạnh T